TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ GTVT

PHÒNG KHẢO THÍ VÀ ĐẢM BẢO CLĐT

KẾT QUẢ HỌC TẬP LỚP 70DCTN22
HỌC KỲ 1 - NĂM HỌC 2020-2021

70DCTN22

STT	SINH VIÊN / HỌC PHẦN				Tổng số học phần	Số học phần thi lại	Đăng ký thi	Tổng số đăng ký thi lại	DC3DS21_Giao thông và công trình hạ tầng (3)		DC2KV80_Kế toán doanh nghiệp (4)		DC2TN65_Kinh tế công cộng (3)		DC2KV63_Kinh tế lượng (3)		DC2KV67_Tài chính tiền tệ (3)		DC1LL03_Tư tưởng Hồ Chí Minh (2)	
	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh		59			TKHP	Chữ	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ
1	70DCTN23007	ĐỖ MAI	ANH	06/02/2001	6	1			4.0	D	4.3	D	6.6	C+	9.5	A	0.5	F	6.0	C+
2	70DCTN23026	NGÔ CHÍ HOÀNG	ANH	08/02/2001	6	1			5.4	D+	4.5	D	2.4	F	8.2	B+	4.7	D	6.5	C+
3	70DCTN23035	NGÔ KIỀU	ANH	25/01/2001	6	0			4.5	D	4.7	D	4.9	D	8.6	A	5.4	D+	7.7	B
4	70DCTN23018	PHÙNG THỊ VÂN	ANH	02/04/2001	6	2			6.5	C+	5.4	D+	2.6	F	8.3	B+	3.5	F	7.9	B
5	70DCTN23048	VŨ THỊ THÁI	CHI	28/10/2000	0	0														
6	70DCTN23019	VŨ ĐỨC	CƯỜNG	07/05/2001	6	3			3.5	F	4.0	D	4.1	D	3.8	F	0.8	F	7.2	B
7	70DCTN23009	NGUYỄN ÁNH	DƯƠNG	01/01/2001	6	2			5.9	C	4.8	D	3.5	F	4.3	D	1.9	F	5.8	C
8	70DCTN22011	NGUYỄN CHÍNH VIỆT	ĐỨC	22/10/2001	6	2			7.3	B	4.2	D	3.1	F	6.1	C+	2.2	F	6.8	C+
9	70DCTN23003	BÙI ĐỨC	ĐẠT	23/12/2001	6	3			4.7	D	3.7	F	2.0	F	3.4	F	0.0	F	5.5	C
10	70DCTN23042	BÙI QUANG	ĐẠT	22/06/2001	6	2			6.1	C+	4.5	D	2.2	F	4.6	D	2.1	F	6.6	C+
11	70DCTN23025	HUỲNH THỊ THU	GIANG	26/10/2001	6	0			6.8	C+	5.4	D+	4.5	D	8.9	A	6.6	C+	7.3	B
12	70DCTN22013	ĐỖ HỮU	HIẾU	07/01/2001	5	3			1.9	F	1.8	F			0.0	F	0.0	F	2.0	F
13	70DCTN23046	NGHIÊM XUÂN	HỢP	04/10/2001	6	4			6.1	C+	3.5	F	2.3	F	3.6	F	3.1	F	6.0	C+
14	70DCTN23001	BÀN THỊ	HUẾ	02/12/2001	0	0														
15	70DCTN23022	KIỀU THỊ	HUỆ	04/04/2001	6	0			8.9	A	6.1	C+	6.3	C+	6.4	C+	6.3	C+	6.5	C+
16	70DCTN23040	NGÔ XUÂN	HÙNG	03/07/2001	6	2			4.9	D	4.1	D	4.4	D	3.8	F	3.7	F	5.8	C
17	70DCTN21087	TRỊNH HỒ	HUY	14/10/2001	6	1			8.1	B+	4.7	D	4.4	D	6.6	C+	3.1	F	7.0	B
18	70DCTN23016	TRỊNH QUỐC	HUY	31/03/2001	6	2			4.5	D	3.6	F	1.8	F	4.4	D	5.0	D+	6.9	C+
19	70DCTN22015	ĐẶNG THỊ	HƯỜNG	16/12/2001	6	0			5.2	D+	4.4	D	9.3	A	8.4	B+	8.2	B+	6.3	C+
20	70DCTN23047	LÃ THỊ	HƯỜNG	11/09/2000	0	0														
21	70DCTN23039	TRẦN THỊ	HƯƠNG	23/03/2001	6	0			7.7	B	7.3	B	7.7	B	8.7	A	8.2	B+	7.7	B
22	70DCTN23008	CAO THỊ	LAN	19/03/2001	6	2			5.9	C	4.4	D	6.7	C+	2.4	F	3.0	F	7.2	B
23	70DCTN23032	NGUYỄN THỊ	LÀNH	27/09/2001	6	2			6.6	C+	4.1	D	7.6	B	2.2	F	1.8	F	0.0	F
24	70DCKT11029	ĐỖ THỊ THÙY	LINH	12/02/2001	6	1			6.7	C+	5.7	C	9.0	A	4.2	D	2.9	F	6.7	C+
25	70DCTN23011	LÊ NGỌC TỐ	LINH	22/12/2001	6	0			7.3	B	7.0	B	8.8	A	5.9	C	4.3	D	6.6	C+
26	70DCTN23028	LƯƠNG THỊ	LINH	15/11/2001	6	0			7.0	B	7.4	B	6.8	C+	5.3	D+	4.5	D	6.8	C+
27	70DCTN23006	NGUYỄN THỊ KHÁNH	LINH	13/09/2001	6	1			2.8	F	7.5	B	9.7	A	8.8	A	8.7	A	6.7	C+
28	70DCTN23015	NGUYỄN THỊ MỸ	LINH	28/02/2001	6	0			8.4	B+	6.5	C+	8.6	A	9.0	A	8.6	A	7.9	B
29	70DCTN23030	HOÀNG THỊ KIM	LOAN	20/08/2001	6	0			7.3	B	5.3	D+	9.3	A	8.5	A	9.1	A	7.5	B

STT	SINH VIÊN / HỌC PHẦN				Tổng số học phần	Số học phần thi lại	Đăng ký thi	Tổng số đăng ký thi lại	DC3DS21_Giao thông và công trình hạ tầng (3)		DC2KV80_Kế toán doanh nghiệp (4)		DC2TN65_Kinh tế công cộng (3)		DC2KV63_Kinh tế lượng (3)		DC2KV67_Tài chính tiền tệ (3)		DC1LL03_Tư tưởng Hồ Chí Minh (2)	
	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh		59			TKHP	Chữ	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ
30	70DCTN23012	VŨ THỊ MAI	LOAN	13/04/2001	6	0			7.0	B	5.2	D+	5.2	D+	7.2	B	8.2	B+	7.4	B
31	70DCTN23005	LÊ THỊ QUỲNH	MAI	10/12/2001	6	1			8.9	A	3.7	F	8.4	B+	9.0	A	8.3	B+	8.0	B+
32	70DCTN23013	NGUYỄN HÀ	NGÂN	06/10/2001	6	5			1.9	F	1.5	F	2.4	F	2.3	F	0.0	F	2.0	F
33	70DCTN23037	PHẠM THỊ	NGỌC	09/09/2001	6	0			4.2	D	5.1	D+	7.9	B	7.2	B	8.5	A	7.0	B
34	70DCTN23044	HOÀNG THỊ	NGUYỆN	09/12/2001	6	2			2.4	F	5.4	D+	6.5	C+	3.3	F	7.8	B	6.8	C+
35	70DCTN23024	CHU ÁNH	NHUNG	02/12/2001	6	1			3.8	F	6.1	C+	8.6	A	9.2	A	8.4	B+	8.3	B+
36	70DCTN23043	NGUYỄN THỊ HỒNG	NHUNG	28/11/2001	5	0			0.0	F	0.0	F			0.0	F	0.0	F	0.0	F
37	70DCTN23871	VŨ THỊ	NHUNG	07/03/2001	6	0			7.0	B	7.5	B	9.3	A	9.3	A	9.1	A	8.3	B+
38	70DCTN22014	ĐÀO THỊ THU	PHƯƠNG	19/09/2001	6	2			3.5	F	3.3	F	8.4	B+	6.7	C+	7.7	B	6.8	C+
39	70DCTN23038	VŨ THỊ	PHƯƠNG	29/07/2001	6	0			6.0	C+	6.2	C+	9.0	A	4.6	D	8.4	B+	7.3	B
40	70DCTN23036	TRẦN THỊ PHƯƠNG	QUỲNH	09/01/2001	6	0			5.8	C	6.3	C+	5.8	C	9.0	A	8.9	A	6.6	C+
41	70DCTN23049	NGUYỄN THỊ	THẮM	08/04/2001	6	0			7.7	B	5.3	D+	7.3	B	5.5	C	7.1	B	6.6	C+
42	70DCTN23010	NGÔ THỊ PHƯƠNG	THẢO	31/05/2001	6	2			6.8	C+	5.3	D+	3.5	F	2.0	F	7.9	B	6.6	C+
43	70DCTN23027	ĐỖ THỊ	THU	13/05/2001	6	3			6.6	C+	3.9	F	3.8	F	3.1	F	6.1	C+	6.1	C+
44	70DCTN23014	NGUYỄN THỊ MINH	THƯ	03/08/2001	6	1			7.8	B	5.4	D+	8.8	A	2.3	F	5.8	C	8.4	B+
45	70DCTN22012	NGUYỄN THANH	THỦY	18/12/2001	5	1			0.0	F	0.0	F			0.0	F	0.5	F	0.0	F
46	70DCKT31010	ĐINH THỊ HUYỀN	TRANG	09/07/2001	6	0			7.3	B	5.4	D+	6.1	C+	5.7	C	8.1	B+	6.1	C+
47	70DCTN23021	NGUYỄN THỊ	TRANG	17/08/2001	6	1			8.2	B+	3.7	F	4.5	D	8.8	A	8.4	B+	7.0	B
48	70DCTN23004	NGUYỄN THỊ HUYỀN	TRANG	25/05/2001	6	0			8.7	A	6.1	C+	8.4	B+	8.3	B+	8.4	B+	7.2	B
49	70DCTN23031	TẠ THỊ HUYỀN	TRANG	28/04/2001	6	0			8.2	B+	5.7	C	8.7	A	9.2	A	9.3	A	8.2	B+
50	70DCTN22017	NGUYỄN THÀNH	TRUNG	16/04/2001	6	1			6.3	C+	3.3	F	7.7	B	5.0	D+	8.4	B+	8.3	B+
51	70DCTN23017	LÊ THỊ HÀ	VI	22/11/2001	6	0			4.2	D	5.3	D+	4.0	D	5.3	D+	6.6	C+	6.7	C+
52	70DCTN21088	NGUYỄN THẢO	VI	19/11/2001	6	1			6.8	C+	4.2	D	5.1	D+	2.7	F	8.3	B+	5.9	C
53	70DCTN22004	NGUYỄN TUẤN	VINH	12/06/2001	6	3			5.7	C	3.3	F	2.6	F	1.6	F	4.0	D	4.4	D
54	70DCTN23041	NGUYỄN THỊ THỦY	YẾN	28/11/2001	6	1			3.6	F	5.0	D+	8.2	B+	8.0	B+	8.3	B+	8.0	B+
55	70DCTN23023	TRƯƠNG THỊ HẢI	YẾN	30/04/2001	6	0			4.3	D	4.4	D	5.9	C	7.6	B	8.7	A	5.8	C

Tổng số lượt đăng ký: **Người nhận** **Người nộp**

Ngày: / /